

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25-6-2020

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Anh Đức.
2. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Đăng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trương Thị H**, sinh năm 1985(Có mặt);

Địa chỉ: Số A ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Lương Văn K**, sinh năm 1983(Vắng mặt);

Địa chỉ: Số A ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Sóc Trăng.

Con trên 7 tuổi: Em Lương Trương D, sinh ngày 08/11/2006 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 18 tháng 02 năm 2020, tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn bà Trương Thị H trình bày:

Bà và ông Lương Văn K đăng ký kết hôn ngày 11/01/2007 tại UBND xã C, huyện D. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông K không lo cho gia đình, vợ con, ông K còn có người phụ nữ khác bên ngoài từ đó bà về nhà cho mẹ bà sống dẫn đến vợ chồng bà sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Nay bà xét thấy không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân cùng ông K nên bà yêu cầu được ly hôn cùng ông Lương Văn K.

Về con chung: Bà Trương Thị H và ông Lương Văn K có 01 đứa con chung tên Lương Trương D, sinh ngày 08/11/2006, hiện đang sống cùng với bà H. Khi ly hôn bà yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

- Đối với bị đơn ông Lương Văn K:

Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự nhưng ông Lương Văn K vắng mặt không có lý do cũng không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị H.

Đối với em Lương Trương D tại tờ tường trình ngày 22 tháng 5 năm 2020 em có nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn thì em được tiếp tục sống với mẹ là bà Trương Thị H.

Tại phiên tòa hôm nay Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; phía bị đơn chưa thực hiện và chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải; ông Lương Văn K đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng ông vẫn vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Lương Văn K.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Trương Thị H cho bà Trương Thị H được ly hôn cùng ông Lương Văn K. Về con chung tiếp tục giao cháu Lương Trương D cho bà Trương Thị H nuôi dưỡng đến trưởng thành; Về cấp dưỡng bà H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét: Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: ông Lương Văn K đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, ông K đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai

nhưng bà vẫn vắng mặt, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Lương Văn K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị H và ông Lương Văn K cưới nhau năm 2006 có đăng ký kết hôn và được UBND xã C, huyện D cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05/2007 ngày 11/01/2007 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị H và ông Lương Văn K là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn thì bà H, ông K sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông K không lo cho gia đình, vợ con, trong cuộc sống vợ chồng ông không chung thủy ông có người phụ nữ khác bên ngoài từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã cùng nhau đến năm 2010 thì bà H về nhà mẹ ruột bà sống nên bà và ông K sống ly thân cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà H và ông K đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được, bà H và ông K đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay đã 10 năm nhưng bà H và ông K không hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Vì vậy xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà H và ông K không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị H.

[4] Về con chung: Bà H và ông K có 01 đứa con chung tên Lương Trương D, sinh ngày 08/11/2006, hiện đang sống với bà H khi ly hôn bà H yêu cầu tiếp tục nuôi con đến trưởng thành. Xét thấy, bà H và ông K từ khi sống ly thân cùng nhau cho đến nay thì em Lương Trương D sống cùng với bà H. Tại phiên tòa bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi con đến trưởng thành, cũng như em Lương Trương D tại tờ tường trình ngày 22/5/2020 em có nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn được sống cùng bà H nhằm để tránh cuộc sống hiện tại của em Lương Trương D không bị xáo trộn, không làm ảnh hưởng đến tâm lý và ổn định việc học của em Duy nên cần tiếp tục giao em Lương Trương D cho bà Trương Thị H tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành.

[5] Về cấp dưỡng: Bà Trương Thị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Nợ chung: Không có.

[8] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Trương Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị H được ly hôn cùng ông Lương Văn K.

2. Về con chung: Tiếp tục giao em Lương Trương D, sinh ngày 08/11/2006 cho bà Trương Thị H nuôi dưỡng đến trưởng thành. Ông Lương Văn K có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Bà Trương Thị H không yêu cầu nên không đặc ra xem xét.

4. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về Nợ chung: Không có.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trương Thị H phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000194 ngày 26/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên bà H đã nộp xong.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- UBND nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhiệm